

Số: 110 /KH-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 12 năm 2012

KẾ HOẠCH

Hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về Dinh dưỡng tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2012 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 226/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về Dinh dưỡng tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2012 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Phấn đấu đến năm 2020, bữa ăn của người dân được cải thiện về số lượng, cân đối hơn về chất lượng, bảo đảm an toàn vệ sinh; suy dinh dưỡng trẻ em, đặc biệt thể thấp còi được giảm mạnh, góp phần nâng cao tầm vóc và thể lực của người dân, kiểm soát có hiệu quả tình trạng thừa cân, béo phì góp phần hạn chế các bệnh mãn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Mục tiêu 1: Tiếp tục cải thiện về số lượng, nâng cao chất lượng bữa ăn của người dân, với các chỉ tiêu:

- Tỷ lệ hộ gia đình có mức năng lượng ăn vào bình quân đầu người dưới 1800Kcal giảm xuống 10% vào năm 2015 và 5% vào năm 2020.

- Tỷ lệ hộ gia đình có khẩu phần ăn cân đối (tỷ lệ các chất sinh nhiệt P:L:G = 14:18:68) đạt 50% vào năm 2015 và 75% vào năm 2020.

b) Mục tiêu 2: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em, với các chỉ tiêu:

- Giảm tỷ lệ thiếu năng lượng trường diễn ở phụ nữ tuổi sinh đẻ xuống còn 15% vào năm 2015 và dưới 12% vào năm 2020.

- Giảm tỷ lệ trẻ có cân nặng sơ sinh thấp (dưới 2500 gam) xuống dưới 10% vào năm 2015 và dưới 8% vào năm 2020.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống còn 26% vào năm 2015 và xuống còn 23% vào năm 2020.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 14% vào năm 2015 và giảm xuống dưới 12% vào năm 2020.

- Đến năm 2020, chiều cao của trẻ 5 tuổi tăng từ 1,5cm - 2cm cho cả trẻ trai và gái; chiều cao của thanh niên theo giới tăng từ 1cm - 1,5cm so với năm 2010.

- Khống chế tỷ lệ béo phì ở trẻ em dưới 5 tuổi ở mức dưới 5% ở nông thôn và dưới 10% ở các thị xã/thành phố vào năm 2015 và tiếp tục duy trì đến năm 2020.

c) Mục tiêu 3: Cải thiện tình trạng vi chất dinh dưỡng, với các chỉ tiêu:

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi có hàm lượng vitamin A huyết thanh thấp ($<0,7 \mu\text{mol/L}$) giảm xuống dưới 10% vào năm 2015 và dưới 8% vào năm 2020.

- Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai giảm còn dưới 28% vào năm 2015 và dưới 23% vào năm 2020.

- Tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em dưới 5 tuổi giảm còn dưới 20% vào năm 2015 và dưới 15% vào năm 2020.

- Đến năm 2015, tỷ lệ hộ gia đình dùng muối i-ốt hàng ngày đủ tiêu chuẩn phòng bệnh ($\geq 20 \text{ ppm}$) đạt $> 90\%$, mức trung vị i-ốt niệu của bà mẹ có con dưới 5 tuổi đạt từ 10 đến 20 mg/dl và tiếp tục duy trì đến năm 2020.

d) Mục tiêu 4: Từng bước kiểm soát có hiệu quả tình trạng thừa cân, béo phì và yếu tố nguy cơ của một số bệnh mạn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng người trưởng thành, với các chỉ tiêu:

- Kiểm soát tình trạng béo phì ở người trưởng thành ở mức dưới 8% vào năm 2015 và duy trì ở mức dưới 12% vào năm 2020.

- Khống chế tỷ lệ người trưởng thành có cholesterol trong máu cao ($> 5,2 \text{ mmol/L}$) dưới 28% vào năm 2015 và duy trì ở mức dưới 30% vào năm 2020.

e) Mục tiêu 5: Nâng cao hiểu biết và tăng cường thực hành dinh dưỡng hợp lý, với các chỉ tiêu:

- Tỷ lệ trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu đạt 27% vào năm 2015 và đạt 35% vào năm 2020.

- Tỷ lệ bà mẹ có kiến thức và thực hành dinh dưỡng đúng đối với trẻ ốm đạt 75% vào năm 2015 và 85% vào năm 2020.

- Tỷ lệ nữ thanh niên được huấn luyện về dinh dưỡng và kiến thức cơ bản về làm mẹ đạt 60% vào năm 2015 và 75% vào năm 2020.

g) Mục tiêu 6: Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của mạng lưới dinh dưỡng tại cộng đồng và cơ sở y tế, với các chỉ tiêu:

- Đến năm 2015, bảo đảm 75% cán bộ chuyên trách dinh dưỡng tuyến tỉnh và 50% tuyến huyện được đào tạo chuyên ngành dinh dưỡng cộng đồng từ 1 đến 3 tháng, đến năm 2020, tỷ lệ này là 100% ở tuyến tỉnh và 75% ở tuyến huyện.

- Đến năm 2015, bảo đảm 100% cán bộ chuyên trách dinh dưỡng tuyến xã và cộng tác viên dinh dưỡng được tập huấn, cập nhật kiến thức về chăm sóc dinh dưỡng và duy trì đến năm 2020.

- Đến năm 2015, 70% bệnh viện tuyến tỉnh và 30% bệnh viện tuyến huyện có cán bộ dinh dưỡng tiết chế, đến năm 2020, tỷ lệ này là 95% ở tuyến tỉnh và 50% ở tuyến huyện.

- Đến năm 2015, 70% tuyến tỉnh và 20% tuyến huyện có triển khai hoạt động tư vấn và thực hiện thực đơn về chế độ dinh dưỡng hợp lý cho một số nhóm bệnh và đối tượng đặc thù bao gồm người cao tuổi, người nhiễm HIV/AIDS và Lao vào năm 2015, đến năm 2020 tỷ lệ này là 95% ở tuyến tỉnh và 50% ở tuyến huyện;

- Đến năm 2015 bảo đảm toàn tỉnh có đủ năng lực giám sát về dinh dưỡng và thực hiện giám sát dinh dưỡng trong các trường hợp khẩn cấp tại các địa bàn thường xuyên xảy ra thiên tai và có tỷ lệ suy dinh dưỡng cao trên mức bình quân của tỉnh.

3. Tầm nhìn đến năm 2030:

Đến năm 2030, phần đầu giảm suy dinh dưỡng trẻ em xuống dưới mức có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng (suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 20% và suy dinh dưỡng thể nhẹ cân dưới 10%). Nhận thức và hành vi về dinh dưỡng hợp lý của người dân được nâng cao nhằm dự phòng các bệnh mạn tính liên quan đến dinh dưỡng đang có khuynh hướng gia tăng. Từng bước giám sát thực phẩm tiêu thụ hàng ngày nhằm có được bữa ăn cân đối và hợp lý về dinh dưỡng, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo đảm nhu cầu dinh dưỡng cơ thể và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho mọi đối tượng nhân dân, đặc biệt là trẻ em học đường.

II. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về chính sách:

- Kiện toàn Ban chỉ đạo và Ban điều hành chiến lược quốc gia về dinh dưỡng của tỉnh, tập trung chỉ đạo để thực hiện chỉ tiêu giảm suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, xây dựng chỉ tiêu giảm suy dinh dưỡng thể thấp còi là một chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu về dinh dưỡng.

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành Y tế với các ngành: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Lao động Thương binh và Xã hội trong triển khai thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng.

- Nghiên cứu xây dựng và ban hành các chính sách, giải pháp nhằm huy động, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức đoàn thể nhân dân và các doanh nghiệp trong thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh như chính sách đối với cán bộ hoạt động về dinh dưỡng; chính sách hỗ trợ dinh dưỡng học đường, đặc biệt là lứa tuổi mầm non và tiểu học ở các vùng sâu, vùng xa...

2. Giải pháp về nguồn lực:

a) Phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác dinh dưỡng theo hướng chuyên sâu, xây dựng mạng lưới cán bộ chuyên trách và cộng tác viên dinh dưỡng ở tuyến cơ sở; nâng cao năng lực quản lý điều hành các chương trình hoạt động dinh dưỡng cho cán bộ trên ở các cấp từ tỉnh đến địa phương và các ban, ngành liên quan.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo và sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ chuyên sâu về dinh dưỡng, dinh dưỡng tiết chế và an toàn thực phẩm, chú trọng đội ngũ cán bộ dinh dưỡng tuyến tỉnh đảm bảo đủ năng lực để triển khai hoạt động giám sát tại các bệnh viện các tuyến, các hoạt động tư vấn và thực hiện tiết chế dinh dưỡng hợp lý.

- Đa dạng hóa các loại hình đào tạo theo nhu cầu của xã hội, ưu tiên đào tạo nhân lực các dân tộc thiểu số, vùng miền khó khăn và vùng có tỷ lệ suy dinh dưỡng cao với các hình thức phù hợp.

b) Nguồn lực tài chính

Tăng cường xã hội hóa, đa dạng các nguồn lực tài chính và từng bước tăng mức đầu tư cho công tác dinh dưỡng; tranh thủ mọi nguồn lực từ ngân sách Trung ương theo các chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác hỗ trợ để thực hiện chiến lược.

3. Giải pháp về truyền thông:

- Tăng cường hiệu quả thông tin về tầm quan trọng của công tác dinh dưỡng đối với sự phát triển toàn diện về tâm vóc, thể chất và trí tuệ của trẻ em đến các cấp ủy Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị xã hội và những người có uy tín trong cộng đồng, để nắm bắt và chỉ đạo triển khai.

- Triển khai các hoạt động truyền thông đại chúng với các loại hình, phương thức, nội dung phù hợp với từng vùng, miền và từng nhóm đối tượng nhằm nâng cao hiểu biết và thực hành dinh dưỡng hợp lý đặc biệt là phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi; khống chế thừa cân, béo phì và các bệnh mãn tính không lây nhiễm liên quan đến dinh dưỡng cho mọi tầng lớp nhân dân.

- Tiếp tục thực hiện giáo dục dinh dưỡng và thể chất trong hệ thống trường học, xây dựng và triển khai chương trình dinh dưỡng học đường, từng bước thực hiện thực đơn tiết chế dinh dưỡng và sữa học đường cho lứa tuổi mầm non và tiểu học và xây dựng các mô hình phù hợp với từng địa phương và đối tượng.

4. Giải pháp về chuyên môn kỹ thuật:

- Nghiên cứu xây dựng các kế hoạch can thiệp đặc hiệu góp phần cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao thể lực và thể chất của người dân phù hợp theo vùng, miền, ưu tiên cho những vùng nghèo, khó khăn, dân tộc thiểu số và các nhóm đối tượng có nguy cơ khác.

- Tiếp tục tăng cường công tác chăm sóc, dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ trước, trong và sau sinh, đẩy mạnh hoạt động nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu và ăn bổ sung hợp lý cho trẻ dưới 2 tuổi.

- Nâng cao năng lực giám sát dinh dưỡng và thực phẩm cho cán bộ dinh dưỡng nhằm giám sát diễn biến tiêu thụ thực phẩm và tình trạng dinh dưỡng một cách hệ thống. Phát triển và nâng cao hiệu quả của mạng lưới dịch vụ, tư vấn và phục hồi dinh dưỡng.

- Đa dạng hóa việc sản xuất, chế biến và sử dụng các loại thực phẩm sẵn có ở địa phương, tiếp tục phát triển hệ sinh thái Vườn - Ao - Chuồng (VAC), bảo đảm sản xuất, lưu thông, phân phối và sử dụng thực phẩm an toàn.

- Thiết lập hệ thống giám sát, cảnh báo sớm tình trạng mất an ninh thực phẩm hộ gia đình và giám sát trường hợp mắc mới của bệnh; xây dựng kế hoạch để đáp ứng kịp thời trong tình trạng khẩn cấp.

5. Giải pháp về khoa học công nghệ:

- Tăng cường năng lực, nghiên cứu khoa học về dinh dưỡng và thực phẩm, đẩy mạnh việc nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ về chọn, tạo giống mới có hàm lượng các chất dinh dưỡng thích hợp, nghiên cứu sản xuất và chế biến

các thực phẩm bổ sung, vi chất dinh dưỡng, sản phẩm dinh dưỡng và dinh dưỡng đặc hiệu phù hợp với các đối tượng.

- Đẩy mạnh tin học hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành dinh dưỡng và an toàn thực phẩm. Tăng cường sử dụng thông tin và bằng chứng khoa học trong xây dựng kế hoạch can thiệp về dinh dưỡng ở các cấp, đặc biệt là phòng chống suy dinh dưỡng thể thấp còi và thiếu vi chất dinh dưỡng.

- Tăng cường phổ biến và áp dụng các kinh nghiệm và thành tựu khoa học dinh dưỡng trong dự phòng béo phì, hội chứng chuyển hóa và các bệnh mãn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về Dinh dưỡng tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2012 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 từ nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác.

- Hàng năm căn cứ các nội dung của Kế hoạch các sở: Y tế và các đơn vị liên quan lập dự toán kinh phí thực hiện gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

IV. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Sở Y tế:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch - Đầu tư, Tài chính; các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện/ thị xã/thành phố tổ chức triển khai chương trình hành động thực hiện chiến lược trên phạm vi toàn tỉnh; xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch 5 năm và hằng năm, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và chiến lược quốc gia về Dinh dưỡng; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiện toàn Ban chỉ đạo và Ban điều hành chiến lược quốc gia về Dinh dưỡng tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế và chỉ đạo triển khai việc kiện toàn Ban chỉ đạo, Ban điều hành chiến lược quốc gia về dinh dưỡng các cấp.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức mạng lưới các cấp; xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, quản lý cho đội ngũ cán bộ làm công tác dinh dưỡng các cấp; tổ chức triển khai hoạt động tư vấn và thực hiện tiết chế dinh dưỡng hợp lý tại các bệnh viện các tuyến; thực hiện và ứng dụng những nghiên cứu khoa học liên quan về dinh dưỡng; lồng ghép vào các chương trình, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

- Triển khai theo dõi, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược của các ngành, các cấp; phổ biến kịp thời những quy định về chính sách về dinh dưỡng của Trung ương để các ngành, các cấp thực hiện.

- Định kì hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết và báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện kế hoạch.

2. Sở Kế hoạch - Đầu tư: Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh nguồn kinh phí cho hoạt động của các chương trình, dự án, đề án, quy hoạch... bảo đảm thực hiện các nội dung của kế hoạch từ nguồn kinh phí của Trung ương, nguồn Chương trình

mục tiêu quốc gia, ngân sách địa phương, huy động các nguồn tài trợ trong và ngoài nước.

3. Sở Tài chính: Căn cứ vào các nội dung của kế hoạch, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh bố trí ngân sách hàng năm cho các hoạt động thực hiện kế hoạch có hiệu quả. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì xây dựng kế hoạch triển khai việc đảm bảo an ninh lương thực ở hộ gia đình; chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ việc phát triển mô hình nông lâm ngư, hệ sinh thái VAC tại các hộ gia đình; giám sát dự báo về an ninh lương thực tại địa phương, xây dựng và triển khai chương trình mục tiêu quốc gia cung cấp nước sạch nông thôn; phối hợp với Hội Nông dân tổ chức các hội thi nông dân làm kinh tế vườn giỏi, nhằm khuyến khích và nhân rộng mô hình tăng cường hỗ trợ chế độ dinh dưỡng cho người dân.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì xây dựng và triển khai kế hoạch từng bước đưa nội dung giáo dục dinh dưỡng vào chương trình giảng dạy tại các trường học các cấp; chỉ đạo tăng cường tổ chức bữa ăn, sữa học đường cho trẻ mầm non và tiểu học; xây dựng mô hình dinh dưỡng trường học; chỉ đạo nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non và các bếp ăn tập thể trường học. Tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khoá cho học sinh các cấp về kiến thức dinh dưỡng, ăn uống hợp lý, phòng các bệnh mãn tính không lây có liên quan đến dinh dưỡng. Phối hợp với Sở Y tế, tổ chức đào tạo, tập huấn về kiến thức, thực hành dinh dưỡng cho cán bộ làm công tác cấp dưỡng tại các trường học.

6. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các ban, ngành liên quan xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ dinh dưỡng cho các đối tượng xã hội, trẻ em để nâng cao chất lượng cuộc sống, vùng khó khăn, xây dựng và thực hiện các chính sách hỗ trợ người nghèo, vùng nghèo và hỗ trợ đột xuất...

7. Sở Công thương: Chủ trì chỉ đạo triển khai việc quản lý, lưu thông, phân phối lương thực thực phẩm trên địa bàn toàn tỉnh trên cơ sở cân đối và đảm bảo dinh dưỡng cho người dân.

8. Sở Thông tin - Truyền thông: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các ban, ngành liên quan chỉ đạo và tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông về dinh dưỡng, chú trọng các thông tin về dinh dưỡng hợp lý. Phối hợp với Sở Y tế và các ban, ngành liên quan trong việc kiểm soát quảng cáo về dinh dưỡng và thực phẩm liên quan.

9. Sở Khoa học - Công nghệ: Chủ trì và phối hợp chỉ đạo thực hiện nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

10. Cục Thống kê tỉnh: Chủ trì và phối hợp với ngành Y tế và các ban/ngành liên quan để tổ chức đánh giá tình hình dinh dưỡng trên địa bàn toàn tỉnh theo các mục tiêu của Chiến lược đã đề ra.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Phối hợp cùng ngành y tế và các cấp chính quyền tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2012 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

12. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh: Phối hợp lồng ghép triển khai thực hiện tốt Đề án “Giáo dục 5 triệu bà mẹ” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt với nội dung tuyên truyền của ngành Y tế để tổ chức phổ biến các kiến thức về sức khỏe và dinh dưỡng hợp lý cho các hội viên và các bà mẹ, vận động cộng đồng cùng tham gia phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng góp phần cải thiện tình trạng dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em, xây dựng các câu lạc bộ bà mẹ không có con suy dinh dưỡng...

13. Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh: Có kế hoạch đẩy mạnh các hoạt động truyền thông thông qua các Đội Tuyên truyền măng non ở các trường, Câu lạc bộ Phóng viên nhỏ của các huyện, thị xã và thành phố Huế về Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng, chú trọng nội dung vệ sinh an toàn thực phẩm đến tận đội viên thiếu niên, nhi đồng, tiếp tục phát động phong trào 3 sạch “ăn sạch, uống sạch, chơi sạch” trong toàn thể đội viên học sinh.

14. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế:

- Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và nội dung của Kế hoạch để chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện chiến lược trên địa bàn. Phối hợp với Sở Y tế thường xuyên củng cố, xây dựng tổ chức bộ máy làm công tác dinh dưỡng ở địa phương.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch tại địa phương; tổ chức sơ, tổng kết và báo cáo Ban chỉ đạo tỉnh (thông qua Sở Y tế là cơ quan thường trực).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ các nội dung kế hoạch, Sở Y tế và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện.

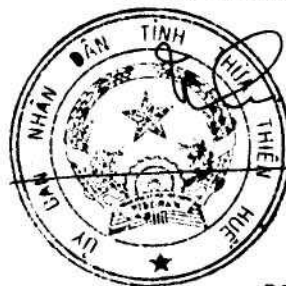
2. Định kỳ hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung của Kế hoạch, các sở, ban ngành, địa phương phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (để Báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Viện Dinh dưỡng - Bộ Y tế;
- Các đơn vị có tên tại Mục IV;
- VP: CVP, các PCVP; Các CV(gửi qua mạng);
- Lưu: VT, YT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Hòa